

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-PT

Ngày: 08/4/2019.

V/v “Hủy quyết định hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ và ông Vũ Văn Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLPT-HC ngày 09/01/2019 về việc “Hủy quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1965, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã Kr, thành phố KT, tỉnh Kon Tum;

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kr.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã Kr, thành phố KT, tỉnh Kon Tum;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Đức T, vắng mặt.

- Ông Trần Văn M, bà Trịnh Thị Xuân M, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã Kr, thành phố KT, tỉnh Kon Tum;

- Ông Lê Phương N, vắng mặt; địa chỉ: Số 158 L.T.V, thành phố KT, tỉnh Kon Tum.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà S có thửa đất đồi số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích khoảng 11.000.000 m² đất, được UBND thành phố KT cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/2007 và đăng ký biến động ngày 22/8/2017, tại thôn 2, xã Kr, thành phố KT. Do trồng cây bời lời không hiệu quả, đầu năm 2018 dự định san ủi để trồng các loại cây khác nên bà S gặp ông Nguyễn Thành Đ, Chủ tịch UBND xã Kr (cùng xóm) nói chuyện về việc sang ủi. Vào ngày 12/4/2018 ông Đ điện thoại cho bà S nhận san ủi đất, bà đồng ý, hai bên thỏa thuận giá sang ủi 3.500.000 đ/ca (mỗi ca 7 tiếng) và tiền công chở đất đi 80.000đồng/xe. Bà S lấy lớp đất màu phía trên, còn lớp đất đá, sỏi ở dưới chuyển đến thửa đất khác của bà để sang lấp (Thửa đất này bà S mua lại của ông M, bà M và ông N năm 2016, chưa sang tên và họ thừa nhận đã bán nên không còn liên quan và không yêu cầu gì). Ông Đ nói, ông làm thì không cần phải xin phép nên bà không làm đơn gửi UBND xã Kr. Từ ngày 15 đến ngày 18/4/2018, ông Đ thuê anh Võ Minh Trung trực tiếp san ủi còn Nguyễn Thành Danh chở đất đi san lấp, bà S thấy tiến độ chậm do máy nhỏ, chi phí cao nên không thuê ông Đ nữa. Ngày 20/4/2018 bà S đến nhà trả tiền cho ông Đ, số tiền san ủi 13.250.000 (26 tiếng 40 phút); tiền chở 60 xe là 4.800.000 đồng, ông Đ nhận tiền không ghi giấy tờ gì nhưng bà S có ghi vào sổ riêng. Ngoài ra không chở đất đến nơi nào khác.

Ngày 11/5/2018, bà S thuê ông Tô Văn Liêu tiếp tục đào đất và san ủi, ông Liêu san ủi được khoảng 01 tiếng, ông Đ ra ngăn cản và chửi nên ông Liêu dừng lại đi về. Ngày 12/5/2018 ông Liêu tiếp tục đến san ủi, chở đất ra khỏi hiện trường được khoảng 3 tiếng. Đến 9 giờ cùng ngày đại diện Sở Tài N môi trường tỉnh KT, Phòng TNMT thành phố KT và Công an xã Kr tiến hành kiểm tra và lập biên bản vụ việc, ông Liêu là người làm chứng có mặt ở hiện trường nhưng không ai hỏi hoặc yêu cầu ông ký vào biên bản. Tại hiện trường thể hiện có 01 máy đào nhãn hiệu Huyndai, dung tích gần 0,7m³ và 01 xe ô tô hiệu Ka Mas, biển số 43C. 10116 trên xe có chở khoảng 7m³ đất, diện tích san ủi khoảng 350m². Tuy nhiên, bà S không ký biên bản cho rằng 02 người không rõ là ai cùng ông T trưởng Công an xã, bà không biết vi phạm về lý do gì. Đến 10h 20 phút cùng ngày, cán bộ địa chính và Công an xã Kr lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị S về hành vi “Khai thác khoáng sản không xin giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/NĐ-CP, ngày 03/4/2017

của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Ngày 14/5/2018, đại diện Phòng Tài nguyên môi trường thành phố, UBND xã Kr lập biên bản xác định lại sự việc. Căn cứ vào các biên bản vi phạm trên, ngày 15/5/2018, ông Đ ban hành Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND, xử phạt bà Trần Thị S về hành vi “Khai thác khoáng sản không xin giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”, mức xử phạt 2.000.000 đồng. Ông Đ giao Quyết định xử phạt cho ông T (Trưởng công an xã là cháu ruột bà S) do bà S đang bức xúc nên ông T sợ và tự bỏ tiền đi nộp phạt, ông không yêu cầu bà S trả lại tiền đã nộp phạt.

Ngày 13/8/2018 bà S biết được Quyết định xử phạt và không đồng ý, cùng ngày bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 23/QĐ-CT.UBND, ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND xã Kr. Vì lý do: Bà S không nhận được biên bản vi phạm hành chính, không nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính và bà không nộp tiền phạt.

Người bị kiện ông Đ cho rằng bà S thuê ông Nguyễn Minh Hùng san ủi đất không phải thuê ông Đ, nhưng có giúp ông Hùng cộng sổ sách, bà S trả tiền cho ông Hùng tại nhà ông với số tiền như bà khai. Ngày 26/4/2018, bà S có đơn gửi UBND xã Kr xin san ủi tại thửa đất nêu trên, cùng ngày lãnh đạo UBND xã Kr có biên bản làm việc với bà S, thể hiện: Đề nghị bà S san ủi mặt bằng, không được đem đất thừa bán cho Công ty cung ứng vật liệu xây dựng KonTum.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định, ông Đ cho rằng diện tích đất san ủi và đưa ra khỏi vị trí san ủi là nhiều hơn so với biên bản vụ việc nhưng ông chỉ căn cứ vào 7m³ đất trong biên bản ngày 12/5/2018 để xử phạt; trình tự, thủ tục, hình thức của biên bản vi phạm hành chính, Quyết định xử phạt có thiếu sót, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên, bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, 159, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Áp dụng các Điều 57, 58, 59, 67, 68 và 70 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi năm 2014, 2017; Khoản 9, 34 Điều 1 Nghị định 97, ngày 18/8/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 1 Điều 44; điểm b khoản 1 Điều 60 Nghị định số 33/ 2017/NĐ-CP, ngày 03/4/2017 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực tài N nước và khoáng sản.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và sửa đổi bổ sung ngày 14/8/2018 của bà Trần Thị S, hủy toàn bộ Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND, ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kr, thành phố KT, tỉnh Kon Tum. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã Kr tiếp tục xác minh làm rõ lượng đất đã đưa ra khỏi vị trí đất san ủi của bà Trần Thị S, nếu có căn cứ xác định vi phạm thì chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

- Ngày 09/12/2018 bà Trần Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung: Xem xét lại Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND xã Kr, không đồng ý với phần kiến nghị của bản án sơ thẩm; yêu cầu xử lý kỷ luật ông Đ; bồi thường vật chất, danh dự, nhân phẩm cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị S giữ N nội dung kháng cáo.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thấy rằng bà S có hành vi vi phạm hành chính. Tuy nhiên, thủ tục ban hành quyết định xử phạt, thực hiện không đúng quy định, vì vậy cấp sơ thẩm hủy và kiến nghị là đúng. Đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Trần Thị S giữ N toàn bộ nội dung kháng cáo không đồng ý với phần kiến nghị của bản án sơ thẩm; yêu cầu xử lý kỷ luật ông Đ; bồi thường vật chất, danh dự, nhân phẩm cho bà. Xét thấy đơn kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M, bà Trịnh Thị Xuân M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Phương N và ông Nguyễn Đức T, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét

thấy, nội dung kháng cáo của bà S không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của người liên quan vắng mặt, vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 225 Bộ luật tố tụng hành chính.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo.

[3.1] Đối với kháng cáo về việc xem xét lại Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND xã Kr và không đồng ý với phần kiến nghị của bản án sơ thẩm: Xét thấy Biên bản vụ việc về hiện trường (BL27) lập lúc 09 giờ ngày 12/5/2018, thành phần có ông Tấn trưởng phòng khoáng sản, ông Bính phó phòng Tài nguyên và môi trường, ông T trưởng Công an xã và bà S, thể hiện nội dung: Lập biên bản vụ việc đào đất, san lấp vận chuyển đất vào nhà máy, tại hiện trường có một máy đào, 01 xe ô tô KaMat chở khoảng 7 m³ đất, diện tích đất san ủi khoảng 350m², yêu cầu dừng ngay việc san ủi, UBND xã làm việc và báo cáo kết quả. Biên bản chỉ có ông Tấn và ông T ký. Không thể hiện ý kiến và chữ ký của người vi phạm bà S, hai tài xế có mặt tại hiện trường chứng kiến vụ việc, nhưng không ghi ý kiến và không có chữ ký của người làm chứng. Đến 10 giờ 20 phút cùng ngày lập tiếp một Biên bản vi phạm hành chính (BL28): Thành phần ông T trưởng Công an xã, ông Chiêu địa chính xã, ông Quý trưởng thôn, ông Ngọc công an viên. Nội dung: Vi phạm về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Quý và ông Ngọc khai không có mặt tại hiện trường, UBND xã đến nhà đưa biên bản ký.

Như vậy, việc lập biên bản vi phạm hành chính trên không đúng trình tự quy định; không có ý kiến của bà S, không ghi ý kiến của người chứng kiến vụ việc là hai tài xế. Việc bà S không ký biên bản thì phải có chứng kiến và chữ ký của đại diện thôn hoặc hai tài xế, không giao biên bản vi phạm và Quyết định xử phạt cho bà S là vi phạm quy định tại Điều 58 và 70 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012. Vì vậy, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND xã Kr về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà S là không đúng, cấp sơ thẩm xử hủy là có căn cứ.

Bà S không đồng ý với phần kiến nghị của bản án sơ thẩm: Thấy rằng cấp sơ thẩm kiến nghị ở phần quyết định của bản án, tiếp tục xác minh làm rõ lượng đất đã đưa ra khỏi vị trí đất san ủi của bà Trần Thị S. Xét thấy: Hành vi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời và lập biên bản vi phạm theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Mặt khác, hành vi này xảy ra ngày 12/5/2018, hiện trường vụ

việc đã thay đổi không còn nguyên hiện trạng. Việc kiến nghị của cấp sơ thẩm trong phần quyết định của bản án khó thi hành để xử lý theo thẩm quyền mà chỉ kiến nghị ở phần nhận định là phù hợp. Vì vậy, nội dung kiến nghị của cấp sơ thẩm không đúng quy định tại khoản 3 Điều 193 Bộ luật tố tụng hành chính.

Tuy nhiên, hành vi tự ý san ủi đất và vận chuyển đất ra khỏi vị trí thửa đất của bà S là vi phạm pháp luật, vì vậy HĐXX kiến nghị UBND thành phố KT xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu xử lý kỷ luật ông Đ: Nội dung này không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án. Mặc khác, ông Đ chủ tịch UBND xã Kr, thành phố KT đã bị kỷ luật. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo này.

[3.3] Đối với kháng cáo về yêu cầu bồi thường vật chất, danh dự, nhân phẩm cho bà: Xét thấy, nội dung này bà chưa yêu cầu cấp sơ thẩm giải quyết. Vì vậy, không có quyền kháng cáo để xem xét nội dung này.

Từ những phân tích trên, thấy rằng có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ nội dung kiến nghị trong phần quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm một số vấn đề sau:

1. Một số văn bản được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án là bản pho to. Theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, tài liệu chứng cứ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực. Vì vậy, những văn bản tài liệu thu thập không theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự thì không coi là chứng cứ hợp pháp.

2. Lưu và đánh số bút lục các văn bản pháp luật như: Nghị định, thông tư vào hồ sơ vụ án là không đúng quy định. Bởi lẽ, các loại văn bản này không phải là chứng cứ thu thập được theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định mà văn bản áp dụng pháp luật.

Về án phí: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị S được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị S đề ngày 09/12/2018.

Sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; Điều 159 Luật tổ tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng các Điều 57, 58, 59, 67, 68 và 70 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi năm 2014, 2017; Khoản 9, 34 Điều 1 Nghị định 97, ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 1 Điều 44; điểm b khoản 1 Điều 60 Nghị định số 33/ 2017/NĐ-CP, ngày 03/4/2017 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài N nước và khoáng sản.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và sửa đổi bổ sung ngày 14/8/2018 của bà Trần Thị S, hủy toàn bộ Quyết định số 23/QĐ-CT.UBND, ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K Roong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Về án phí: Bà Trần Thị S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị S số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002460 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay (ngày 08/4/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- UBND thành phố Kon Tum;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Dương Thị Vân